TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Điều**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Mến**

Bà **Trần Thị Kim Đồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 377/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Chúc L**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

(Đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Chúc L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị Chúc L và bị đơn anh Nguyễn Minh T thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 05/02/2013. Thời

gian chung sống được khoảng 09 năm vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý, thông báo phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải cho phía anh T biết và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải nhằm giúp vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, nhưng anh T không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về yêu cầu ly hôn của chị L, đồng thời vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa chị L và anh T. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm, chị L đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Chúc L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Minh T cư trú tại: Ấp H, xã B, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Chúc L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Minh T vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Nguyên đơn Mai Thị Chúc L và bị đơn anh Nguyễn Minh T thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 05/02/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp.

Thời gian chung sống được khoảng 09 năm vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết việc kiện với chị L nhưng anh T không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về việc kiện của chị L và vắng mặt không lý

do, điều này chứng tỏ rằng tình cảm giữa chị L và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị L, xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị L nộp án phí 300.000 đồng, cấn trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị L đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc L. Xử cho chị Nguyễn Thị Chúc L ly hôn anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên miễn xét**.**

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm**: Buộc chị Nguyễn Thị Chúc L nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị L đã nộp theo biên lai thu số 0014791 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Điều

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- UBND xã Hòa Bình (số 17/2013 Quyển 01/2013 ngày 05-02-2013);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.